TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2020/HNGĐ – ST
Ngày: 29-5-2020
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Quang Liêu;
2/ Ông Nguyễn Mạnh Dũng
- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 60/2020/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020, về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐST – HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Văn Thị Tuyết Ng, sinh năm: 1980
HKTT: Thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
Nơi cư trú: Khu Đ, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn:* Anh Lâm Minh Q, sinh năm: 1981
Nơi cư trú: Khu Đ, TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Văn Thị Tuyết Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lâm Minh Q tự nguyện chung sống, có tiến hành đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân TT Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 01, ký ngày 03 tháng 01 năm 2013. Vợ chồng chung sống đến cuối năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Ngoài ra, anh

Lâm Minh Q thường xuyên chơi bời, không chăm lo làm ăn lại còn sử dụng trái phép chất ma túy. Gia đình nhiều lần ngăn cản nhưng anh Lâm Minh Q không nghe. Anh Lâm Minh Q đã đi cai nghiện nhưng khi về nhà vẫn tiếp tục sử dụng chất ma túy. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện với nhau và đã thống nhất ly hôn để giải thoát cho nhau nên từ cuối năm 2018 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Nay các bên không còn tình cảm nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lâm Minh Q.

Về nuôi con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lâm Minh Q (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Lâm Minh Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Văn Thị Tuyết Ng khai nhận chị và anh Lâm Minh Q có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân TT.Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 01, ký ngày 03 tháng 01 năm 2013. Lời khai của chị Văn Thị Tuyết Ng phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 05). Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch"*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Văn Thị Tuyết Ng và anh Lâm Minh Q là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Văn Thị Tuyết Ng khai nhận trong thời gian chung sống anh Lâm Minh Q không chăm lo phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, anh Lâm Minh Q sử dụng trái phép chất ma túy đã từng đi cai nghiện nhưng vẫn tái nghiện khiến vợ chồng thường xuyên cải vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Lời khai của chị Văn Thị Tuyết Ng phù hợp với tài liệu chứng cứ đã giao nộp tại phiên tòa. Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm*

cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được". Như vậy, có đủ căn cứ xác định anh Lâm Minh Q vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh Lâm Minh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Văn Thị Tuyết Ng.

[4] Về nuôi con chung: Chị Văn Thị Tuyết Ng khai nhận chị và anh Lâm Minh Q không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung và về nợ chung: Chị Văn Thị Tuyết Ng khai nhận chị và anh Lâm Minh Q không có tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định *"Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn"*. Do đó, nguyên đơn chị Văn Thị Tuyết Ng phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Văn Thị Tuyết Ng, chị Văn Thị Tuyết Ng được ly hôn với anh Lâm Minh Q

2. Về nuôi con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Văn Thị Tuyết Ng phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0010108 ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước *(đã nộp xong).*

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/5/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh